

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008, Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi) do UBTVQH10 ban hành ngày 16/4/1998, Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung

Điều 6 Pháp lệnh thuế tài nguyên; Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Điều 6 Pháp lệnh thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc khai, nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủy điện như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với các cơ sở sản xuất thủy điện bao gồm

các công ty thuộc và không thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là EVN) có sản xuất thủy điện.

Điều 2. Về thuế giá trị gia tăng

1. Xác định số thuế GTGT phải nộp

1.1. Các cơ sở sản xuất thủy điện xác định số thuế GTGT phải nộp theo

phương pháp khấu trừ quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2. Đối với công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN thực hiện xác định số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện như sau:

Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Số thuế GTGT đầu ra được xác định bằng công thức sau:

Số thuế GTGT đầu ra = Sản lượng điện x Giá tính thuế x Thuế suất thuế GTGT (10%)

Trong đó:

- Sản lượng điện là sản lượng điện giao nhận theo đồng hồ đo đếm điện có xác nhận giữa công ty thủy điện và công ty truyền tải điện hoặc công ty mua bán điện.

- Giá tính thuế: được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa xác định được thì tính theo giá tạm tính do EVN thông báo nhưng không thấp hơn giá bán điện thương phẩm bình quân của năm trước liền kề. Khi xác định được giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước thì kê khai điều chỉnh chênh lệch vào kỳ kê khai của tháng đã có giá chính thức.

Việc xác định giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chậm nhất không quá ngày 31/3 của năm sau.

Ví dụ: Giá bán điện thương phẩm bình quân năm 2008 là 866 đ/kwh chưa có thuế GTGT thì giá tính thuế của năm 2009 (theo hướng dẫn nêu trên) là 519,6đ (= 866đ x 60%).

Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất điện được khấu trừ căn cứ hóa đơn GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty thủy điện.

2. Kê khai, nộp thuế

2.1. Cơ sở sản xuất thủy điện nêu tại điểm 1.1 Khoản 1 Điều này thực hiện kê khai thuế GTGT tại địa phương nơi đóng trụ sở chính và nộp thuế GTGT cho kho

bạc địa phương nơi có nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện). Trường hợp nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện) nằm chung trên địa bàn hai tỉnh thì số thuế GTGT do cơ sở sản xuất thủy điện nộp sẽ được phân chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

Cơ sở sản xuất thủy điện nộp hồ sơ khai thuế GTGT với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký kê khai thuế và sao gửi tờ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế địa phương nơi có chung nhà máy thủy điện để theo dõi.

2.2. Đối với công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN: Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT tại địa phương nơi đóng trụ sở theo mẫu Tờ khai thuế GTGT dùng cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc EVN ban hành kèm theo Thông tư này đồng thời sao gửi tờ khai thuế GTGT cho cơ quan thuế địa phương nơi có chung nhà máy thủy điện (nếu có) và nộp thuế GTGT cho kho bạc địa phương nơi có nhà máy thủy điện. Trường hợp nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện) nằm chung trên địa bàn hai tỉnh thì số thuế GTGT do

công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN nộp được phân chia theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

Số thuế GTGT đã nộp của các Công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN (căn cứ theo chứng từ nộp tiền) được xác định là số thuế GTGT đầu vào của EVN và EVN được kê khai, khấu trừ theo quy định.

2.3. Thủ tục luân chuyển chứng từ

Cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện là công ty có nhà máy sản xuất thủy điện (nơi có tuabin, đập thủy điện và những cơ sở vật chất chủ yếu của nhà máy điện) nằm chung trên địa bàn các tỉnh thì cơ sở sản xuất thủy điện nộp thuế GTGT tại kho bạc nhà nước nơi đăng ký kê khai thuế (hoặc nơi đóng trụ sở Công ty) đồng thời nộp thuế GTGT cho kho bạc địa phương nơi được hưởng số thu về thuế GTGT. Các chứng từ nộp thuế được lập riêng cho từng kho bạc nhà nước, trên chứng từ nộp thuế phải ghi rõ tài khoản thu ngân sách nhà nước các địa phương nơi có nhà máy thủy điện hoặc nơi được hưởng.

2.4. Việc kê khai nộp thuế GTGT đối với một số trường hợp cụ thể:

2.4.1. Công ty thủy điện Hòa Bình

(đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN) có trụ sở Công ty và Nhà máy thủy điện Hòa Bình cùng nằm trên địa bàn tỉnh Hòa Bình thì Công ty thủy điện Hòa Bình thực hiện khai, nộp toàn bộ thuế GTGT tại tỉnh Hòa Bình.

2.4.2. Công ty thủy điện Trị An (đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN) có trụ sở Công ty và Nhà máy thủy điện Trị An cùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì Công ty thủy điện Trị An thực hiện kê khai, nộp toàn bộ thuế GTGT tại tỉnh Đồng Nai.

2.4.3. Công ty thủy điện Yaly (đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN), có trụ sở Công ty tại tỉnh Gia Lai nhưng có 3 Nhà máy thủy điện: Nhà máy thủy điện Yaly, Nhà máy thủy điện Sêsan 3; Nhà máy thủy điện Pleikrông.

Công ty thủy điện Yaly thực hiện kê khai thuế GTGT tại tỉnh Gia Lai, số thuế GTGT được phân chia như sau:

+ Số thuế GTGT của Nhà máy thủy điện Yaly, Nhà máy thủy điện Sêsan 3 do Công ty thủy điện Yaly nộp cho hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

+ Toàn bộ số thuế GTGT của Nhà máy thủy điện Pleikrông được Công ty thủy điện Yaly nộp cho tỉnh Kon Tum.

2.4.4. Công ty thủy điện Đại Ninh (đơn

vị hạch toán phụ thuộc EVN) có trụ sở công ty tại tỉnh Lâm Đồng, có Nhà máy thủy điện Đại Ninh nằm trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, đập thủy điện nằm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thì Công ty thủy điện Đại Ninh thực hiện khai thuế GTGT tại tỉnh Lâm Đồng, số thuế GTGT của Nhà máy thủy điện Đại Ninh được nộp cho hai tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

2.4.5. Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Sêsan 3A, đơn vị không thuộc EVN có trụ sở công ty tại tỉnh Gia Lai, có Nhà máy thủy điện Sêsan 3A nằm trên hai địa bàn tỉnh Gia Lai và Kon Tum thì Công ty cổ phần thủy điện Sêsan 3A thực hiện kê khai thuế GTGT tại tỉnh Gia Lai và số thuế GTGT của Nhà máy thủy điện Sêsan 3A được Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện Sêsan 3A nộp cho hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

Điều 3. Về thuế tài nguyên

1. Cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện căn cứ sản lượng điện xuất tuyến trong kỳ kê khai, giá tính thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên.

Số thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ nộp thuế được xác định như sau:

$$\text{Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ} = \text{Sản lượng điện xuất tuyến trong kỳ kê khai} \times \text{Giá tính thuế tài nguyên} \times \text{Thuế suất}$$

Trong đó:

- Sản lượng điện xuất tuyến trong kỳ kê khai là sản lượng điện giao nhận theo đồng hồ đo đếm điện có xác nhận giữa Công ty thủy điện và Công ty truyền tải điện hoặc Công ty mua bán điện.

- Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện là giá bán điện thương phẩm bình quân.

Giá bán điện thương phẩm bình quân để tính thuế tài nguyên đối với các cơ sở sản xuất thủy điện do Bộ Tài chính công bố trong tháng 01 hàng năm.

- Thuế suất thuế tài nguyên nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện là 2% theo quy định tại Nghị định số 05/2009/NĐ-CP ngày 19/01/2009 của Chính phủ.

2. Kê khai, nộp thuế

2.1. Cơ sở sản xuất thủy điện thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên tại địa phương nơi đăng ký kê khai nộp thuế theo mẫu Tờ khai thuế tài nguyên dùng cho các cơ sở sản xuất thủy điện ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp thuế tài nguyên của cơ sở sản xuất thủy điện được phân chia cho các địa phương khác nhau thì cơ sở sản

xuất thủy điện nộp hồ sơ khai thuế tài nguyên cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký kê khai thuế (hoặc nơi đóng trụ sở) và sao gửi hồ sơ khai thuế tài nguyên cho cơ quan thuế địa phương nơi được hưởng nguồn thu thuế tài nguyên.

2.2. Thủ tục luân chuyển chứng từ nộp thuế tài nguyên giữa Kho bạc và cơ quan thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.3 Điều 2 Thông tư này.

3. Việc kê khai, nộp thuế tài nguyên đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

3.1. Công ty Thủy điện Hòa Bình (đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN): Số thuế tài nguyên do Công ty thủy điện Hòa Bình nộp được phân chia cho 02 tỉnh Hòa Bình và Sơn La theo tỷ lệ 50% cho mỗi tỉnh.

3.2. Công ty thủy điện Trị An (đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN): thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên tại tỉnh Đồng Nai.

3.3. Công ty thủy điện Yaly (đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN) thực hiện nộp thuế tài nguyên cho các nhà máy thủy điện như sau:

- Số thuế tài nguyên của Nhà máy thủy điện Yaly được nộp cho tỉnh Kon